TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/DS-ST
Ngày 23-6-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng đặt cọc.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Hoàng Hiệp.

Ông Nguyễn Văn Hoành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Kha - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2022 về "Tranh chấp đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Lượng E, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P3, xã Đ, huyện L, tỉnh Bạc Liêu

Người đại diện hợp pháp: Bà Phạm Ngọc N, sinh năm 1989 (vắng mặt – có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 2, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Sô Đ, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A2, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 11-11-2021 và các ý kiến của bà Phạm Ngọc N là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Nguyễn Văn Lượng E như sau: Ông Nguyễn Văn Lượng E có ký 02 hợp đồng mua bán lúa với ông Nguyễn Sô Đ, cụ thể: Hợp đồng ngày 04-9-2020 thỏa thuận mua bán 120 tấn lúa, loại OM18, lúa tươi với giá 5.850 đồng/1kg và giao tiền đặt cọc là 50.000.000 đồng. Hợp đồng ngày 10-9-2020 thỏa thuận mua bán 200 tấn lúa, loại OM18, lúa tươi với giá 5.700 đồng/1kg và giao tiền đặt cọc là 80.000.000 đồng. Các bên thống nhất thỏa thuận đến ngày cân lúa ông

E không đến cân lúa thì sẽ bị mất tiền cọc, nếu bên ông Đ không chịu cắt lúa và không giao lúa đủ số lượng thì ông Đ phải bồi thường tiền cọc gấp đôi. Do ông Đ không giao lúa, không trả tiền cọc nên ông E gửi đơn đến Công an xã T yêu cầu xử lý đối với ông Đ thì tại buổi làm việc ông Đ thừa nhận việc nhận tiền cọc 130.000.000 đồng, cam kết trả dần nhưng đến nay chưa thực hiện xong. Ông E giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Đ trả tiền cọc còn nợ là 45.000.000 đồng, lãi suất chậm thanh toán tính từ ngày 01/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất quy định của pháp luật.

- Bị đơn ông Nguyễn Sô Đ vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến. Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; các Quyết định và giấy triệu tập đến phiên tòa theo quy định.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Đ có trách nhiệm trả cho ông E tiền cọc là 45.000.000 đồng và lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện của ông E là tranh chấp dân sự về hợp đồng đặt cọc quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 328 Bộ luật dân sự; bị đơn cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị thụ lý, xét xử sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các đương sự đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng đến phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai, bị đơn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án: Ông E yêu cầu bị đơn ông Đ trả lại tiền đặt cọc còn nợ là 45.000.000 đồng và lãi chậm trả tính từ ngày 01/12/2020, lãi suất 0,83%/tháng (10%/năm).

[3] Xét hiệu lực của hợp đồng đặt cọc mua bán lúa giữa ông Nguyễn Văn Lượng E và ông Nguyễn Sô Đ, thì thấy: Tại biên bản ghi lời khai ngày 17-12-2020 của Công an xã T (bl 89-90), ông Đ khai giữa ông và ông Nguyễn Văn L có hợp đồng mua bán lúa, hợp đồng một kí ngày 04-9-2020 thỏa thuận bán cho ông L 100 tấn lúa, nhận tiền cọc 50.000.000 đồng và hợp đồng hai kí ngày 10-9-2020 bán số lượng 200 tấn lúa, nhận tiền cọc 80.000.000 đồng nhưng chưa thực hiện đầy đủ hợp đồng. Tại biên bản lời khai ngày 20-6-2022 (bl 99), ông Dương Văn S xác nhận có ghi lời khai của ông Đ và tại buổi lấy khai ông Đ thừa nhận có hợp đồng bán lúa cho ông E và nhận tiền cọc hai lần là 130.000.000 đồng nhưng chưa giao đủ số lượng lúa, chưa trả lại tiền cọc nên đủ cơ sở xác định ông Đ không thực hiện đúng giao kết tại các hợp đồng mua bán lúa ngày 04-9-2020 và 10-9-2020. Theo quy định tại khoản 2 Điều 328 Bộ luật

dân sự *"Trường hợp hợp đồng được giao kết, thực hiện thì tài sản đặt cọc được trả lại cho bên đặt cọc hoặc được trừ để thực hiện nghĩa vụ trả tiền; nếu bên đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì tài sản đặt cọc thuộc về bên nhận đặt cọc; nếu bên nhận đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*". Do ông Đ vi phạm nghĩa vụ của hợp đồng mua bán lúa nên "*phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc"*, ông Đ biết rõ yêu cầu khởi kiện của ông E nhưng không có ý kiến phản đối, không cung cấp chứng cứ chứng minh đã hoàn trả đủ tiền đặt cọc cho nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 328 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Đ trả tiền cọc còn nợ là 45.000.000 đồng.

[4] Về lãi suất: Nguyên đơn ông E yêu cầu tính lãi từ ngày thỏa thuận lại thời hạn thanh toán tiền cọc là 01-12-2020 là không căn cứ. Bởi lẽ đơn trình báo của ông E được Công an xã T tiếp nhận ngày 18/12/2020 và tại đơn khởi kiện thể hiện số tiền đặt cọc được thỏa thuận trả dần. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét thời gian trả lãi tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ theo cam kết là ngày 30-12-2020 âl (ngày 11-02-2021), buộc bị đơn phải trả lãi tính từ ngày 12-02-2021 đến ngày xét xử 23-6-2022 là 6.112.950 đồng (45.000.000 đồng x 16 tháng 11 ngày x 0,83%).

[5] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Thạnh Trị là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 328; Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Lượng E về tranh chấp hợp đồng đặt cọc đối với bị đơn ông Nguyễn Sô Đ. Buộc ông Nguyễn Sô Đ hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Lượng E số tiền 51.112.950 đồng, gồm tiền cọc 45.000.000 đồng và lãi chậm thanh toán 6.112.950 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Sô Đ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 2.555.674 đồng. Ông Nguyễn Văn Lượng E được hoàn lại tiền tạm ứng án phí

là 1.225.000 đồng theo biên lai thu số 0001231 ngày 14-01-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tống đạt hợp lệ) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thanh Mai